

Số liệu về quan trắc không khí tháng 12
(từ ngày 14/11/2024 đến ngày 13/12/2024)

1. Trạm quan trắc môi trường không khí xung quanh khu vực huyện Đồng Phú
❖ Kết quả quan trắc các thông số khí tượng

Ngày tháng	Độ ẩm	Nhiệt độ	Áp suất	Tốc độ gió	Hướng gió	Lượng mưa	Bức xạ mặt trời
	%rH	°C	hPa	Km/h	o	mm	W/m ²
14/11/2024	79,91	28,03	998,31	1,41	122,35	0,00	502,06
15/11/2024	81,72	28,22	998,28	2,00	163,92	0,00	482,42
16/11/2024	78,60	28,28	997,87	1,83	114,42	0,08	405,17
17/11/2024	79,73	27,52	997,87	1,49	95,17	0,00	529,53
18/11/2024	69,88	27,97	997,77	1,84	84,31	0,00	578,06
19/11/2024	73,63	27,83	998,54	2,06	103,83	0,00	545,77
20/11/2024	74,40	28,19	998,51	1,84	80,27	0,00	472,05
21/11/2024	67,87	28,77	997,65	2,70	74,31	0,00	487,99
22/11/2024	78,80	26,99	998,36	2,48	84,98	0,82	476,28
23/11/2024	80,69	26,87	998,47	2,01	82,49	0,00	364,40
24/11/2024	78,77	27,10	998,75	2,16	99,71	0,19	371,33
25/11/2024	81,45	27,15	998,59	1,23	80,08	0,00	275,87
26/11/2024	74,57	27,28	998,11	2,87	51,78	0,00	324,49
27/11/2024	72,88	27,32	997,89	3,16	54,85	0,00	365,69
28/11/2024	66,88	27,04	999,63	5,09	45,48	0,00	439,62
29/11/2024	64,60	26,25	999,24	4,06	48,62	0,00	374,05
30/11/2024	70,94	25,91	998,39	2,80	75,60	0,00	181,32
01/12/2024	76,41	26,36	997,14	2,02	141,34	0,00	356,03
02/12/2024	79,31	27,53	997,08	1,52	109,43	0,02	291,98
03/12/2024	78,24	26,83	997,72	1,56	87,06	0,00	251,49
04/12/2024	87,82	25,11	997,90	1,64	108,84	0,15	169,75
05/12/2024	81,13	26,73	997,52	1,70	72,14	0,00	160,62
06/12/2024	79,44	26,97	997,38	1,54	100,39	0,02	248,99
07/12/2024	86,26	26,56	998,43	1,55	86,92	0,39	185,48
08/12/2024	69,66	27,26	998,76	3,06	65,74	0,00	197,43
09/12/2024	69,21	27,41	997,85	4,08	47,15	0,00	218,81
10/12/2024	74,17	26,61	996,51	4,46	40,61	0,00	273,80
11/12/2024	79,14	26,28	995,47	3,87	64,63	0,00	251,61
12/12/2024	88,47	26,95	998,88	2,27	89,52	0,55	64,30
13/12/2024	80,63	26,73	998,07	2,65	46,10	0,00	137,53
Trung bình	76,84	27,14	998,03	2,43	84,07	0,07	332,80

[illegible]

❖ **Chỉ số chất lượng không khí xung quanh tại khu vực huyện Đồng Phú**

Ngày tháng	Kết quả	Chất lượng không khí
14/11/2024	16	Tốt
15/11/2024	14	Tốt
16/11/2024	15	Tốt
17/11/2024	15	Tốt
18/11/2024	15	Tốt
19/11/2024	15	Tốt
20/11/2024	15	Tốt
21/11/2024	15	Tốt
22/11/2024	16	Tốt
23/11/2024	16	Tốt
24/11/2024	16	Tốt
25/11/2024	16	Tốt
26/11/2024	35	Tốt
27/11/2024	32	Tốt
28/11/2024	41	Tốt
29/11/2024	38	Tốt
30/11/2024	28	Tốt
01/12/2024	49	Tốt
02/12/2024	40	Tốt
03/12/2024	25	Tốt
04/12/2024	22	Tốt
05/12/2024	25	Tốt
06/12/2024	29	Tốt
07/12/2024	19	Tốt
08/12/2024	40	Tốt
09/12/2024	38	Tốt
10/12/2024	29	Tốt
11/12/2024	28	Tốt
12/12/2024	20	Tốt
13/12/2024	21	Tốt

[illegible]

❖ Chỉ số chất lượng không khí xung quanh tại khu vực thị xã Chơn Thành

Ngày tháng	Kết quả	Chất lượng không khí
14/11/2024	61	Trung bình
15/11/2024	85	Trung bình
16/11/2024	79	Trung bình
17/11/2024	68	Trung bình
18/11/2024	56	Trung bình
19/11/2024	27	Tốt
20/11/2024	27	Tốt
21/11/2024	28	Tốt
22/11/2024	19	Tốt
23/11/2024	49	Tốt
24/11/2024	22	Tốt
25/11/2024	31	Tốt
26/11/2024	26	Tốt
27/11/2024	21	Tốt
28/11/2024	19	Tốt
29/11/2024	31	Tốt
30/11/2024	37	Tốt
01/12/2024	48	Tốt
02/12/2024	46	Tốt
03/12/2024	35	Tốt
04/12/2024	33	Tốt
05/12/2024	--	--
06/12/2024	--	--
07/12/2024	--	--
08/12/2024	--	--
09/12/2024	--	--
10/12/2024	--	--
11/12/2024	--	--
12/12/2024	--	--
13/12/2024	--	--

3. Trạm quan trắc môi trường không khí xung quanh khu vực thành phố Đồng Xoài

❖ Kết quả quan trắc các thông số khí tượng

Ngày tháng	Độ ẩm	Nhiệt độ	Áp suất	Tốc độ gió	Hướng gió	Lượng mưa	Bức xạ mặt trời
	%rH	°C	hPa	Km/h	o	mm	W/m ²
14/11/2024	76,56	28,56	998,60	1,30	86,98	0,00	222,67
15/11/2024	76,80	28,91	998,71	1,63	135,38	0,00	214,50
16/11/2024	74,82	28,78	998,59	1,91	152,37	0,03	220,16
17/11/2024	74,34	28,22	998,48	1,44	84,61	0,00	237,97
18/11/2024	63,97	28,69	998,51	2,12	117,96	0,00	253,64
19/11/2024	68,68	28,38	999,36	2,09	143,99	0,00	244,93
20/11/2024	68,20	28,78	999,04	3,00	70,34	0,01	210,72
21/11/2024	63,96	29,22	998,36	3,32	91,59	0,00	220,82
22/11/2024	74,13	27,61	999,08	2,56	126,17	0,13	211,93
23/11/2024	75,82	27,51	999,29	2,03	109,40	0,00	162,73
24/11/2024	74,36	27,63	999,62	2,17	113,18	0,13	204,27
25/11/2024	73,85	28,07	999,41	1,64	78,30	0,00	175,70
26/11/2024	71,15	27,58	998,92	2,74	114,32	0,00	144,25
27/11/2024	69,24	27,75	998,79	2,82	178,03	0,00	163,05
28/11/2024	63,89	27,42	999,86	4,10	110,97	0,00	194,24
29/11/2024	61,79	26,56	1000,23	2,68	171,08	0,00	176,80
30/11/2024	66,94	26,29	999,26	2,57	144,53	0,00	157,20
01/12/2024	76,49	25,60	998,06	1,96	167,26	0,00	137,57
02/12/2024	72,70	27,97	995,85	1,80	135,20	0,00	130,30
03/12/2024	69,29	27,63	998,05	2,31	114,94	0,00	138,12
04/12/2024	80,38	26,00	997,89	1,58	128,27	0,02	96,73
05/12/2024	74,51	27,59	997,74	2,11	108,38	0,00	190,11
06/12/2024	73,98	27,59	997,74	1,60	122,63	0,04	156,18
07/12/2024	80,90	27,00	999,16	1,91	101,38	0,30	110,86
08/12/2024	65,83	27,69	999,40	3,11	116,98	0,00	200,20
09/12/2024	66,61	27,70	997,91	2,85	180,91	0,00	172,79
10/12/2024	71,05	26,98	997,26	3,08	174,52	0,00	129,91
11/12/2024	77,13	26,51	996,46	2,10	271,10	0,00	109,43
12/12/2024	82,15	27,67	999,54	1,95	123,10	0,01	119,64
13/12/2024	79,40	26,79	998,02	1,82	171,85	0,01	115,75
Trung bình	72,30	27,62	998,57	2,28	131,52	0,02	174,11

❖ Kết quả quan trắc các thông số chất lượng không khí

Ngày tháng	O ₃	SO ₂	NO ₂
	µg/Nm ³	µg/Nm ³	µg/Nm ³
14/11/2024	47,47	24,16	0,77
15/11/2024	46,42	23,94	7,67
16/11/2024	45,01	23,96	14,91
17/11/2024	43,89	24,20	19,44
18/11/2024	52,55	23,29	25,63

Ngày tháng	O ₃	SO ₂	NO ₂
	µg/Nm ³	µg/Nm ³	µg/Nm ³
19/11/2024	44,68	22,23	22,98
20/11/2024	46,01	22,69	22,40
21/11/2024	47,79	23,27	24,21
22/11/2024	43,43	23,90	20,95
23/11/2024	37,87	25,15	18,57
24/11/2024	42,09	24,67	15,56
25/11/2024	38,44	25,31	19,36
26/11/2024	39,48	25,17	22,27
27/11/2024	46,25	25,26	18,46
28/11/2024	59,06	24,88	18,23
29/11/2024	68,89	24,14	18,64
30/11/2024	62,33	24,30	15,76
01/12/2024	47,84	25,95	13,09
02/12/2024	46,85	24,79	15,65
03/12/2024	46,16	25,07	12,84
04/12/2024	41,70	26,51	14,01
05/12/2024	40,35	24,87	20,61
06/12/2024	41,52	26,01	20,65
07/12/2024	37,44	26,36	17,06
08/12/2024	52,90	26,85	17,51
09/12/2024	56,13	26,06	18,10
10/12/2024	51,68	26,09	10,71
11/12/2024	42,97	26,28	9,62
12/12/2024	38,67	25,86	4,04
13/12/2024	38,25	24,39	0,77
Trung bình	46,47	24,85	16,02
QCVN 05:2023/BTNMT	125	100	120
Đánh giá	Đạt	Đạt	Đạt

Nguồn: Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường